jQuery selectors là gì

Đây là phần quan trọng nhất trong thư viện jQuery vì nó cho phép bạn chọn và thao tác trên các phần tử HTML.

***The element selector***

jQuery element selector lựa chọn các yếu tố dựa vào tên của chúng.

Bạn có thể lựa chọn tất cả các thẻ p trong page bằng cách sau.

$('p')

A picture containing graphical user interface

Description automatically generated

***The #id Selector***

jQuery id selector sử dụng thuộc tính id của thẻ HTML để tìm thấy những yếu tố cụ thể.

ID nên được gán là duy nhất trong 1 trang web, vì vậy khi sử dụng ID selector nên được sử dụng khi tìm 1 yếu tố cụ thể duy nhất, mang tính độc đáo.

Cú pháp như sau: $('#id')

Ví dụ : khi user click vào button thì các đối tượng với id = "test" sẽ bị ẩn đi như trong ví dụ sau.

A picture containing shape

Description automatically generated

***The class selector***

jQuery class selector tìm kiếm các thuộc tính theo một class cụ thể.

Cú pháp sử dụng để tìm kiếm theo class: $('.class')

Ví dụ: khi user click vào button thì các thuộc tính với class = "test" sẽ bị ẩn đi.

A picture containing graphical user interface

Description automatically generated

 Lựa chọn mọi thứ: Lựa chọn kiểu phần tử xác định, lựa chọn theo Id, Class, order, các phần tử Form, thuộc tính, ẩn/hiện (Visibility), phần tử cha và phần tử con (Parents àn Children)



A picture containing text

Description automatically generated

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

 Xác định phần tử được lựa chọn: đầu tiên, cuối cùng, chẵn, lẻ, một vùng phần tử,...

Text

Description automatically generated

 Xác định phần tử của form

Graphical user interface, application

Description automatically generated

 Tìm các phần tử ẩn

Logo

Description automatically generated with medium confidence

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

Breadcrumbs

 Pagination(phân trang)

Df : được dùng để giúp trang web có được tốc độ load trang nhanh hơn

o Pager

 Labels

Thẻ label dùng để định nghĩa nhãn cho [các thẻ input trong HTML](https://kiencang.net/9-the-input-html/). Tác dụng của label là làm cho thao tác nhập liệu trở nên dễ dàng hơn.

Graphical user interface

Description automatically generated with low confidence

 Badges

Badge là các đối tượng hiện thị giống như các nhãn, các tag, một hộp nhỏ chứa nội dung để người dùng chú ý. Ví dụ sau tiêu đề bài viết có một dòng chữ thông báo là bài viết mới, bên cạnh giỏ hàng hiện thị số lượng sản phẩm ...

Graphical user interface, application, Word

Description automatically generated

 Typographic Elements

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

o Hero Unit

o Page Header

 Thumbnails

A thumbnail is a small image that represents a larger image (when clicked on), and is often recognized with a border around it:

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

 Alerts

A picture containing graphical user interface

Description automatically generated

 Progress Bars

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Chart

Description automatically generated with medium confidence

 Media Object

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

 Miscellaneous

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

Text

Description automatically generated

o Wells

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

o Helper Classes

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated